

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307C/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2025

V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 338/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại: R. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hoá của Đ1 tại R).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (hợp pháp hoá của Đ1 tại R) nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị Đ và anh Nguyễn Duy T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 11/7/2007. Sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vậy tình cảm vợ chồng ngày càng có nhiều khoảng cách, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó khi chị Đ đi làm việc tại R, thời gian đầu thỉnh thoảng còn liên lạc với nhau, đến năm 2022 thì không liên lạc với nhau nữa, cắt đứt mọi quan hệ. Chị Đ thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Duy T

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/6/2008 và cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày 24/1/2010 hiện đang ở với anh T. Ly hôn, chị Đ đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và sẽ cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho 02 con

chung từ tháng 7 năm 2025.

Về tài sản chung và nợ: Chị Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Đ hiện đang cư trú hợp pháp tại R, do đi lại khó khăn không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1976, cư trú tại K, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An thay mặt chị Đ nộp đơn khởi kiện, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

2. Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Duy T:

Do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị Nguyễn Thị Đ xin ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/6/2008 và cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày 24/1/2010 hiện đang ở với anh T. Ly hôn, anh T thống nhất ý kiến của chị Đ, đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và đồng ý việc chị Đ cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Ý kiến của con chung: Cháu cháu Nguyễn Thị Thanh T1 và cháu Nguyễn Duy C mong muốn được ở với bố Nguyễn Duy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Đ hiện đang cư trú hợp pháp tại R đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Duy T có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vụ án Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được Đ1 tại R; anh Nguyễn Duy T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Duy T. Xét thấy, chị Đ và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau. Chị Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Duy T đồng ý. Vì

vậy, căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/6/2008 và cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày 24/1/2010. Chị Đ và anh T thỏa thuận ly hôn giao 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T1 và Nguyễn Duy C cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh T mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thanh T1 và Nguyễn Duy C đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ thỏa thuận chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 228; Điều 273; Điều 469; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao 02 con chung Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/6/2008 và cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày 24/1/2010 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thanh T1 và Nguyễn Duy C đủ 18 tuổi, trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/6/2008 và cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày 24/1/2010 mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tính từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi con chung cháu Nguyễn Thị Thanh T1 và Nguyễn

Duy C đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Cháu Nguyễn Thị Thanh T1 và Nguyễn Duy C Cháu đang được anh Nguyễn Duy T trực tiếp nuôi dưỡng nên anh Nguyễn Duy T được nhận số tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) từ chị Nguyễn Thị Đ.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Duy T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007776 ngày 29/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ hợp lệ; anh Nguyễn Duy T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã L, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)
Hoàng Ngọc Anh